

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **03** /2020/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày **06** tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 346/STC-STC ngày 07 tháng 10 năm 2019; Thông báo số 1089/TB-VPUBND ngày 28/02/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Các nội dung không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chi Cục Hải quan Hòa Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ban, ngành; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: GTVT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- TT Tin học – Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TT (100b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh

QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hòa Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về:

1. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải công cộng (VTHKCC) bằng xe buýt;
2. Mức hỗ trợ giá vé đối với người sử dụng dịch vụ VTHKCC bằng xe buýt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, khai thác dịch vụ VTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh;
2. Cá nhân có liên quan đến hoạt động sử dụng dịch vụ VTHKCC bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh, bao gồm:
 - a) Trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng (gọi tắt là đối tượng 1);
 - b) Học sinh, sinh viên là công dân Việt Nam đang học các trường trên địa bàn tỉnh có thời gian học từ 03 tháng trở lên; người cao tuổi (theo Luật Người cao tuổi), người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh người có công với cách mạng (gọi tắt là đối tượng 2).

Chương II**HẠN MỨC VAY VỐN ĐƯỢC HỖ TRỢ LÃI SUẤT, MỨC HỖ TRỢ
LÃI SUẤT VAY VỐN ĐẦU TƯ VÀ MỨC HỖ TRỢ GIÁ VÉ CHO
NGƯỜI SỬ DỤNG XE BUÝT**

Điều 3. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng

1. Nguyên tắc hỗ trợ:



a) Ngân sách tinh hỗ trợ lãi suất tiền vay cho việc đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng trong phạm vi số vốn vay tại thời điểm xét hỗ trợ lãi suất, trong hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất được quy định cụ thể tại Khoản 2 Điều này.

b) Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất tiền vay cho chủ đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 3 của Thông tư số 02/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt:

a) Đối với Dự án có tổng mức đầu tư từ dưới hoặc bằng 20 tỷ đồng : Hỗ trợ 50% lãi suất, hạn mức tối đa không quá 50% tổng vốn đầu tư của dự án vay của các Ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng và Quỹ Đầu tư phát triển Hòa Bình.

b) Đối với Dự án có tổng mức đầu tư từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: Hỗ trợ 30% lãi suất, hạn mức tối đa không quá 50% tổng vốn đầu tư của dự án vay của các Ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng và Quỹ Đầu tư phát triển Hòa Bình.

c) Đối với Dự án mua sắm phương tiện xe buýt đã qua sử dụng có thời gian sử dụng chưa quá 05 năm: Hỗ trợ 30% lãi suất, hạn mức tối đa không quá 50% tổng vốn đầu tư của dự án vay của các Ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng và Quỹ Đầu tư phát triển Hòa Bình. Hạn mức vay không quá 50 tỷ đồng.

d) Thời gian hỗ trợ lãi suất là thời gian cho vay nợ của các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và Quỹ Đầu tư phát triển theo hợp đồng vay vốn nhưng tối đa không quá 05 năm.

3. Trường hợp các khoản vay (gồm cả gốc và lãi) bị quá hạn trả nợ hoặc chưa được gia hạn nợ thì không được hỗ trợ lãi suất đối khoảng thời gian vay bị quá hạn trả nợ hoặc được gia hạn nợ. Trường hợp chủ dự án đã thanh toán nợ quá hạn và trả nợ đúng hạn từ kỳ trả nợ tiếp theo thì chủ dự án tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ lãi suất vay vốn

1. Điều kiện được hưởng hỗ trợ (Quy định tại Điều 4, Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính), cụ thể như sau:

a) Có dự án đầu tư phương tiện, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ VTHKCC bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về đầu tư.

b) Có vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án quy định tại Khoản a nêu trên và sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Đảm bảo các quy định hiện hành trong kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn

Hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn được thực hiện theo Điều 7, Điều 8, Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 6. Mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng xe buýt

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đối tượng chính sách khi đi xe buýt:

a) Đối tượng 1: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí cho đối tượng này (theo mức giá vé tháng/ tuyến).

- Doanh nghiệp, hợp tác xã phát hành thẻ ưu tiên cho đối tượng 1. Căn cứ vào hồ sơ và số lượng thẻ ưu tiên Sở Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ.

b) Đối tượng 2: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 40% thông qua vé tháng/tuyến.

- Giá vé tháng do doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký nhưng tính quy đổi ra giá cước một lượt đi tối đa bằng 70% vé lượt.

2. Kinh phí hỗ trợ các đối tượng chính sách sử dụng xe buýt được bố trí trong dự toán hàng năm từ ngân sách tỉnh, thanh toán thực hiện theo mức quy đổi mỗi quý 1 lần chậm nhất vào ngày 15 quý tiếp theo.

3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Giao thông Vận tải giám sát, kiểm tra việc thanh toán qua vé ưu tiên.

4. Hồ sơ thẻ ưu tiên gồm:

a) Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy Khai sinh (bản sao có chứng thực).

b) Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú đối với đối tượng 1, đối tượng 2). Riêng đối với học sinh, sinh viên là công dân Việt nam đang học các trường trên địa bàn tỉnh có xác nhận của Trường học nơi học sinh, sinh viên đang học.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các ngành, các cấp trong tỉnh và nhà đầu tư

1. Sở Giao thông Vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy định này; Chủ trì tham gia ý kiến và hướng dẫn các nhà đầu tư khi được yêu cầu; đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh cần xử lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp danh mục Dự án được hỗ trợ lãi suất vay vốn trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quy định điều kiện hỗ trợ (miễn hoặc giảm) cho người sử dụng xe buýt theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

d). Hàng năm, trước ngày 15/7, tổng hợp nhu cầu kinh phí gồm: hỗ trợ lãi suất trợ đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự

án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ VTHKCC bằng xe buýt theo Quyết định 13/2015/QĐ-TTg, gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân tỉnh bố trí trong dự toán chi ngân sách năm tiếp theo.

Riêng năm 2020 ngân sách tỉnh ưu tiên bố trí hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định 13/2015/QĐ-TTg và hỗ trợ cho người sử dụng xe buýt trên địa bàn.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Giao thông Vận tải và các cơ quan liên quan; kiểm tra giám sát việc thực hiện và xử lý vi phạm về lĩnh vực giá; Tổng hợp đề xuất kế hoạch vốn ngân sách hỗ trợ lãi vay, hỗ trợ giá vé cho người sử dụng xe buýt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Thực hiện hướng dẫn việc thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ từ ngân sách đối với hoạt động xe buýt.

3. Nhà đầu tư thực hiện VTHKCC bằng xe buýt phải có trách nhiệm cung ứng dịch vụ công ích theo đúng cam kết về số lượng, chất lượng và bán đúng giá vé đã đăng ký được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

4. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư phát triển VTHKCC bằng xe buýt thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 8. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và các nhà đầu tư phản ánh với Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Khánh